TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19/10/2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

2. Ông Từ Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017 tại T sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1989; thường trú: 20/8 khu phố 2, tổ 12, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Vũ T, sinh năm 1986; thường trú: 30/9 khu phố Q, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị Lê Thị Kim T và anh Đoàn Vũ T tìm hiểu nhau khoảng một năm, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, T phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 27/6/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu phố Q, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương được hai năm thì chuyển đến sinh sống tại 20/8 khu phố 2, tổ

12, phường B, T phố B, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình khó khăn, anh T thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2017. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Ngọc B, sinh ngày 05/11/2014, hiện nay đang sống cùng chị T. Sau ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Đoàn Vũ T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/8/2017 và ngày 11/9/2017 bằng hình thức niêm yết, yêu cầu anh T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng anh T không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh T tham gia phiên tòa vào các ngày 29/9/2017, 19/10/2017 nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 29/9/2017, 19/10/2017 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An

theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 29/9/2017, 19/10/2017 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T và anh Đoàn Vũ T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/2012, quyển số 01/2012 ngày 27/6/2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng chị T xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình khó khăn, anh T thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn tại địa phương, tuy nhiên chính quyền địa phương không biết về mâu thuẫn của hai vợ chồng. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh T đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Kim T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Ngọc B, sinh ngày 05/11/2014. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng anh Đoàn Vũ T không có ý kiến về vấn đề con chung, đồng thời cháu Đoàn Ngọc B là con gái, chưa đủ 03 tuổi cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của mẹ nhiều hơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị Kim T không yêu cầu anh Đoàn Vũ T cấp dưỡng chi phí nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị T nên Tòa án ghi nhận.

[6] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Lê Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia

đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Đoàn Vũ T (Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2012, quyển số 01/2012 ngày 27/6/2012 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp).

2. Về nuôi con chung:

2.1. Buộc anh Đoàn Vũ T giao con chung tên Đoàn Ngọc B, sinh ngày 05/11/2014 cho chị Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Lê Thị Kim T phải tạo điều kiện cho anh Đoàn Vũ T qua lại chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kim T không yêu cầu anh Đoàn Vũ T cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Lê Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009883 ngày 20/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- CCTHA DS thị xã Dĩ An;
- UBND P. B, Tp. B, T. Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Thị Liễng